

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 01/02/2024

V/v : *Kiện đòi tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc Kiện đòi tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST ngày 09/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn B, xã Ng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông Tô Văn B, sinh năm 1956 và vợ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958. Đều có địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã Ng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Tô Văn B, sinh năm 1956. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã Ng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H (Hiện đã ly hôn với chị Lê Thị Nh, sinh năm 1982 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2019/QĐST- HNGĐ ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) với vợ chồng ông Tô Văn B, bà Nguyễn Thị L có quan hệ họ hàng (ông B, bà L là chú, thím của ông H). Do có nhu cầu nhận chuyển nhượng đất 03 tại khu vực xã Ng, huyện Kim Thành nên ông H đã nói chuyện

với ông B và được ông B hứa sẽ giúp ông H tìm mua đất 03. Ông H đã đưa cho ông B hai lần tiền (một lần đưa 200.000.000 đồng và một lần đưa 300.000.000 đồng), tổng là 500.000.000 đồng, việc giao nhận tiền có sự chứng kiến và xác nhận của bà Nguyễn Thị L. Sau đó ông H đưa cho ông B 4.000.000 đồng tiền thù lao. Sau một thời gian do có việc cần tiền nên ông H đã lấy lại từ ông B 100.000.000 đồng. Ngày 06/7/2022 hai bên làm giấy biên nhận, xác định ông B bà L nợ ông H 400.000.000 đồng và giao ước nếu đến ngày 30/7/2022 không mua được ruộng đất cho ông H thì ông B bà L sẽ trả lại số tiền còn giữ cho ông H. Ông H đã sử dụng thêm số tiền 55.000.000 đồng trong tổng số tiền ông đã đưa ông B để tự mua ruộng và ông B đã trả lại ông H 8.000.000 đồng. Do vợ chồng ông B bà L không mua được ruộng đất như thỏa thuận nên ông H đã nhiều lần đòi nhưng ông B đều khát nợ, ông H đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Kim Thành yêu cầu Tòa án buộc ông B bà L trả ông số tiền còn nợ là 337.000.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng quy định.

Bị đơn ông B bà L trình bày: Ông B bà L xác định có việc ông bà nhận tiền của ông H để mua giúp ông H đất 03 như ông H trình bày nhưng không mua được và xác nhận hiện còn nợ ông H số tiền 337.000.000 đồng như ông H trình bày là đúng và đề nghị ông H cho ông bà trả dần, kể từ tháng 01/2024 cứ 6 tháng trả 15.000.000 đồng và đề nghị không tính lãi.

Trước khi mở phiên tòa, ông H có đơn gửi Tòa án xin rút yêu cầu tính lãi và tự nguyện không yêu cầu ông B bà L trả số tiền thù lao ông đưa cho ông B là 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông H giữ nguyên yêu cầu ông B bà L trả ông tiền còn nợ là 337.000.000 đồng, ông tự nguyện không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu ông B trả lại số tiền thù lao 4.000.000 đồng.

Bị đơn ông B bà L xác nhận hiện còn nợ ông H số tiền 337.000.000 đồng và đề nghị ông H cho ông bà trả dần, kể từ tháng 01/2024 cứ 6 tháng trả 15.000.000 đồng và nhất trí việc ông H rút yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166, 280 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Tô Văn B và bà Nguyễn Thị L phải liên đới trả ông H số tiền là 337.000.000 đồng.
2. Đình chỉ yêu cầu về phần lãi suất của ông Nguyễn Văn H.
3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông B, bà L.
Hoàn trả ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Ông Nguyễn Văn H khởi kiện đòi ông Tô Văn B và bà Nguyễn Thị L trả lại ông số tiền ông đưa ông B bà L mua hộ đất 03 nhưng không mua được hiện ông B bà L còn giữ của ông, trong hạn luật định; bị đơn ông B bà L có đăng ký thường trú và cư trú tại Thôn B, xã Ng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông H yêu Tòa án nhân dân huyện Kim Thành buộc ông B bà L phải trả cho ông tiền nợ là 337.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện đòi tài sản”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Tại giấy nhận tiền có chữ ký và điểm chỉ của ông B bà L, xác định có nhận của ông H số tiền 500.000.000 đồng để mua giúp ông H ruộng canh tác (Đất 03), sau đó đã trả lại ông H 100.000.000 đồng, ông B bà L hẹn đến ngày 24/6/2022 nếu không mua được đất thì sẽ trả lại đủ ông H 400.000.000 đồng. Tại Giấy biên nhận ngày 06/7/2022, ông B bà L xác định ông B bà L nợ ông H 400.000.000 đồng và giao ước nếu đến ngày 30/7/2022 không mua được ruộng đất thì ông B bà L sẽ trả lại số tiền còn giữ cho ông H.

Ông H xác định trong tổng số tiền 500.000.000 đồng ông đưa ông B bà L nhờ mua đất ruộng, ông đã lấy lại 155.000.000 đồng và ông B đã trả ông 8.000.000 đồng, hiện ông B bà L còn nợ ông 337.000.000 đồng. Đối với số tiền 4.000.000 đồng thù lao ông đưa ông B, nay ông không yêu cầu ông B trả lại.

Ông B bà L xác định ông bà hiện còn nợ ông H 337.000.000 đồng, ông

bà xác định sẽ trả lại đầy đủ cho ông H nhưng đề nghị được trả dần; ông bà nhất trí ý kiến của ông H về việc rút yêu cầu tính lãi.

[4] Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định: Bị đơn ông Tô Văn B và bà Nguyễn Thị L hiện còn giữ của ông Nguyễn Văn H số tiền 337.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, yêu cầu của ông H có căn cứ để chấp nhận, vì vậy cần buộc bị đơn ông B bà L có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền còn nợ là 337.000.000 đồng cho nguyên đơn ông H.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, nguyên đơn ông H rút yêu cầu ông B bà L thanh toán tiền lãi và không yêu cầu bị đơn trả lại 4.000.000 đồng tiền thù lao, là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ông H.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Ông B, bà L bị buộc phải có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông bà là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí đối với ông B bà L.

Yêu cầu của ông H được chấp nhận, trả lại ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 ; khoản 1, Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166; Điều 280; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

2. Buộc Ông Tô Văn B và vợ là bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn H số tiền còn nợ là 337.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Tô Văn B và bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền lãi.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự đối với ông Tô Văn B và bà Nguyễn Thị L.

Trả Lại ông Nguyễn Văn H 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2022/ 0001791 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người đại diện theo ủy quyền của đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Trung